TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2018
V/v Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Oanh.

- *Hội thẩm nhân dân*:

1/ Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2/ Ông Trần Văn Tảo.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 376/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ 4, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 4, ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh N.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 02/8/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh L và chị Nguyễn Thị Ngọc M tự nguyện chung sống từ năm 1995, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh và chị M phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay không thể tiếp tục chung sống nên anh Lộc yêu cầu ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh L và chị M có 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc V, sinh ngày 02/9/1997 và Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 29/9/2003. Cháu V đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lao động nuôi sống được bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/8/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Mai thống nhất với trình bày của anh Lộc về quá trình hôn nhân, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân ly hôn. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống ly thân đã 06 năm nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị M thống nhất trình bày của anh L, chị đồng ý giao cháu T cho anh nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh L, chị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

Về hôn nhân: không công nhận anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc M là vợ chồng; về con chung: Cháu Bùi Thị Ngọc V đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; giao anh Bùi Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 29/9/2003; về tài sản chung, nợ chung: anh L, chị M không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị M.

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc M tự nguyện chung sống từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn nên việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh Lộc yêu cầu ly hôn với chị Mai nên căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc M có 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc V, sinh ngày 02/9/1997 và Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 29/9/2003. Cháu Bùi Thị Ngọc V đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Giao anh Bùi Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 29/9/2003. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Bùi Văn L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (khóa XIV):

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc M là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc M có 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc V, sinh ngày 02/9/1997 và Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 29/9/2003. Cháu Bùi Thị Ngọc V đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Giao anh Bùi Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 29/9/2003. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị Mai cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Ngọc Mcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Bùi Văn L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Nguyễn Thị Ngọc M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Bùi Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ anh L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005500 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Anh Bùi Văn L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho anh L, chị M biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKS huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (O).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Oanh